TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2022/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 28 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày06tháng9năm 2022 vềviệctranhchấp "Hônnhânvàgiađình",giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Công T**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Công T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:*Giao anh Trần Công T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Anh Q, sinh ngày 28/12/2013 và Trần Đại Q, sinh ngày 09/12/2016, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2.*Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức:*Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Công T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị C tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007895 ngày 06/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị C số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã V;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

HàTiếnNghị